



BAKER TILLY  
A&C

AN  
NG CO., LTD.

A&C

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY**  
**31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NAM VIỆT**

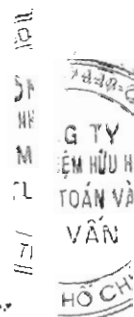


BAKER TILLY  
INTERNATIONAL

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 31
8. Phụ lục	32

\*\*\*\*\*



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty cổ phần Nam Việt trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH Ân Độ Dương và Công ty TNHH Cromic Nam Việt) (gọi chung là Tập đoàn).

#### Khái quát về Tập đoàn

##### *Công ty mẹ*

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 10 năm 2006 và lần thứ 4 ngày 30 tháng 6 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi tỉ lệ góp vốn của cổ đông khác.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,015
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
<b>Cộng</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0763 834060

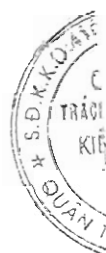
Fax : 0763 834054

E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 1600168736

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ân Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến	100%
Công ty TNHH Cromic Nam Việt	Thôn Đát Thành, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Khai thác và sản xuất quặng cromic	51%

**Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinacem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất	29%

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức 500 VND/ cổ phiếu theo nghị quyết họp đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22 tháng 4 năm 2010.

**Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**


Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Nam Việt trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thành Bửu	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Quang Khôi	Trưởng ban	20 tháng 9 năm 2009	-
Hà Anh Tú	Thành viên	20 tháng 4 năm 2010	-

  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 NAM VIỆT  
 HỒ CHÍ MINH

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Nam Việt đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Doãn Tới**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 1 tháng 9 năm 2010





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0889/2010/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Cromic Nam Việt) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2010, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 4 năm 2010 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các Công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 9 năm 2010

**Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.185.252.767.804</b>	<b>1.261.207.037.429</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>112.137.412.257</b>	<b>190.602.202.446</b>
1. Tiền	111		44.057.412.257	30.700.552.446
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.080.000.000 /	159.901.650.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>84.048.508.728</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	84.048.508.728 /	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>666.254.731.214</b>	<b>780.709.497.314</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	657.157.846.267	734.229.002.184
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	21.868.224.470	59.859.300.476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	19.374.689.865	18.769.252.454
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(32.146.029.388)	(32.148.057.800)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>313.423.292.468</b>	<b>284.013.994.040</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	364.360.410.757	352.556.294.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(50.937.118.289)	(68.542.299.975)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.388.823.137</b>	<b>5.881.343.629</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.773.194	28.036.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.995.625.780	3.484.939.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.390.424.163	2.368.367.687



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>961.615.668.744</b>	<b>929.614.995.445</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>642.980.557.296</b>	<b>608.590.269.425</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	387.073.347.618	432.245.060.314
<i>Nguyên giá</i>	222		668.286.410.459	666.318.641.157
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(281.213.062.841)	(234.073.580.843)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	17.883.276.491	17.896.440.606
<i>Nguyên giá</i>	228		18.039.617.804	18.039.617.804
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(156.341.313)	(143.177.198)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	238.023.933.187	158.448.768.505
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>243.580.520.000</b>	<b>243.590.520.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	17.400.000.000	17.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	233.400.000.000	233.410.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(7.219.480.000)	(7.219.480.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>75.054.591.448</b>	<b>77.434.206.020</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		614.520.639	297.979.396
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	55.240.070.809	57.936.226.624
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	19.200.000.000	19.200.000.000
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.146.868.436.548</b>	<b>2.190.822.032.874</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>628.320.328.649</b>	<b>732.657.070.721</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>573.001.248.125</b>	<b>676.675.281.247</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.18	373.288.920.200	498.440.537.664
2. Phải trả người bán		312	V.19	129.345.707.960	118.933.293.960
3. Người mua trả tiền trước		313	V.20	13.546.104.842	12.872.060.819
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.21	4.984.430.829	7.266.081.020
5. Phải trả người lao động		315	V.22	10.022.747.057	9.425.167.744
6. Chi phí phải trả		316	V.23	932.748.662	6.199.155.747
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.24	26.539.160.065	8.278.275.573
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.25	14.341.428.510	15.260.708.720
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>55.319.080.524</b>	<b>55.981.789.474</b>
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.26	51.733.695.000	51.733.695.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.27	3.585.385.524	4.248.094.474
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>1.469.255.192.101</b>	<b>1.454.764.962.153</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>		<b>1.469.255.192.101</b>	<b>1.454.764.962.153</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.28	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.28	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.28	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	V.28	(2.156.203.041)	(988.442.183)
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.28	226.863.565.890	211.205.575.084
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>439</b>		<b>49.292.915.798</b>	<b>3.400.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>2.146.868.436.548</b>	<b>2.190.822.032.874</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

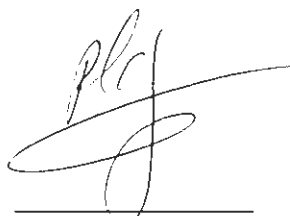
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.29	2.598.204.737	2.598.204.737
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		140.885.051.636	99.768.550.717
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.30	14.263.214.365	14.264.181.471
5. Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)		1.649.187,47	1.791.505,21
Euro (EUR)		1.911,79	880,35
Nhân dân tệ (CNY)		140,00	3.340,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2010



Dương Minh Phong  
Kế toán trưởng



Đoãn Tới  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

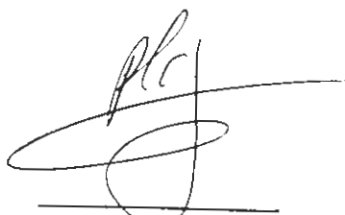
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	741.141.465.355	965.410.626.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.293.825.523	19.739.777.012
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	735.847.639.832	945.670.849.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	629.219.999.991	972.038.976.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.627.639.841	(26.368.126.599)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50.533.103.278	38.056.702.741
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.161.756.536	27.475.783.745
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.155.306.618	26.156.417.685
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	67.797.763.045	64.736.265.567
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.876.034.268	15.210.232.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.325.189.270	(95.733.705.447)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.741.500.398	594.666.995
12. Chi phí khác	32		47.002.249	121.644.989
13. Lợi nhuận khác	40		1.694.498.149	473.022.006
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.019.687.419	(95.260.683.441)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	134.272.720
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	2.696.155.815	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.323.531.604	(95.394.956.161)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(3.137.084.202)	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		48.460.615.806	(95.394.956.161)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	739	(1.454)

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2010



Dương Minh Phong  
Kế toán trưởng



Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.019.687.419	(95.260.683.441)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	47.433.861.586	44.456.590.050
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(17.607.210.098)	(10.382.422.555)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(13.924.922.190)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(9.232.210.160)	(7.084.152.847)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.155.306.618	26.156.417.685
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.844.513.175	(42.114.251.108)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		110.247.158.394	253.949.878.263
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.804.116.742)	221.912.220.723
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.395.602.214)	21.455.801.274
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(291.278.437)	52.898.077
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(18.222.557.956)	(25.964.417.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(5.740.826.502)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		68.130.000.000	7.600.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.25	(919.280.210)	(1.823.921.493)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>219.588.836.010</b>	<b>429.327.381.549</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12 VII	(61.394.449.150)	(44.782.323.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	333.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(121.508.000.000)	(40.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.665.491.272	55.434.707.800
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	33.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	6.186.479.653	6.459.329.523
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(138.717.296.407)</b>	<b>1.361.713.683</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

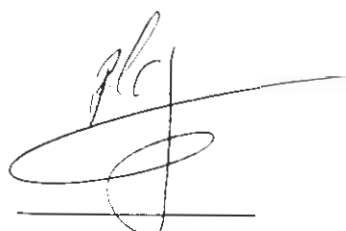
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	531.255.080.000	1.280.608.691.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(654.958.447.464)	(1.669.411.850.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(35.171.541.500)	(12.144.048.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(158.874.908.964)</i>	<i>(400.947.208.300)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(78.003.369.361)	29.741.886.932
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	190.602.202.446	97.037.977.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(461.420.828)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	112.137.412.257	126.779.864.810

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Dương Minh Phong  
Kế toán trưởngDoãn Tới  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH Ân Độ Dương và Công ty TNHH Crômíc Nam Việt) (gọi chung là Tập đoàn).

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN****1. Công ty mẹ**

- a. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
- b. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
- c. Ngành nghề kinh doanh : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

**2. Tổng số các công ty con : 2****3. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Ân Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty TNHH Cromic Nam Việt	Thôn Đát Thành, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	51%	51%

**4. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ	Lý do
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinacem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### *Các công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 7

### 7. Tài sản thuê hoạt động

#### *Tập đoàn là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 6 năm.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **11. Chi phí trả trước dài hạn**

*Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 5 năm.

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty trong tập đoàn.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD  
Ngày 30/6/2010 : 18.544 VND/USD

#### 18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.267.488.171	2.614.824.371
Tiền gửi ngân hàng	42.789.374.086	28.085.728.075
Tiền đang chuyển	550.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	68.080.000.000	159.901.650.000
<b>Cộng</b>	<b>112.137.412.257</b>	<b>190.602.202.446</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kỳ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang (*)	50.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	34.048.508.728	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	18.544.000.000	-
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay với lãi suất 4,5%/năm	12.504.508.728	-
Cho Công ty cổ phần Sông Đà 12 - Xi nghiệp Sông Đà vay	2.000.000.000	-
Cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 108 vay	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.048.508.728</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản kỳ phiếu này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang.

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	555.353.249.010	636.273.805.154
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	101.804.597.257	97.955.197.030
<b>Cộng</b>	<b>657.157.846.267</b>	<b>734.229.002.184</b>

**4. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	4.874.027.736	24.313.104.154
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	4.656.954.520	19.682.077.378
Tại Công ty TNHH Cromic Nam Việt	12.337.242.214	15.864.118.944
<b>Cộng</b>	<b>21.868.224.470</b>	<b>59.859.300.476</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho nhân viên vay	1.873.640.731	3.765.769.026
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu phải thu	3.386.026.647	1.632.075.352
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	7.688.248.043	4.975.699.354
Chi hộ cho Công ty cổ phần Ba Long cước vận chuyển	2.566.183.020	4.381.243.339
Tiền, vật tư cho mượn	2.690.850.000	3.485.749.358
Các khoản phải thu khác	1.169.741.424	528.716.025
<b>Cộng</b>	<b>19.374.689.865</b>	<b>18.769.252.454</b>

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	24.391.690.771	24.391.690.771
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.754.338.617	7.756.367.029
<b>Cộng</b>	<b>32.146.029.388</b>	<b>32.148.057.800</b>

*Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:*

Số đầu năm	32.148.057.800
Hoàn nhập dự phòng	(2.028.412)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.146.029.388</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	14.372.891.732	12.389.997.471
Công cụ, dụng cụ	3.880.548.321	2.601.369.028
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.020.400.939	11.712.281.737
Thành phẩm	324.831.157.338	310.960.103.450
Hàng gửi đi bán	16.255.412.427	14.892.542.329
<b>Cộng</b>	<b>364.360.410.757</b>	<b>352.556.294.015</b>

### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

*Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

Số đầu năm	68.542.299.975
Trích lập dự phòng bổ sung	(27.318.576.329)
Hoàn nhập dự phòng	9.713.394.643
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.937.118.289</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	225.132.926.810	383.585.746.023	47.859.808.533	9.740.159.791	666.318.641.157
Mua trong kỳ	-	2.548.385.400	-	265.413.884	2.813.799.284
Thanh lý, nhượng bán	-	(846.029.982)	-	-	(846.029.982)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>225.132.926.810</b>	<b>385.288.101.441</b>	<b>47.859.808.533</b>	<b>10.005.573.675</b>	<b>668.286.410.459</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	19.229.845.104	781.717.424	2.010.723.763	22.022.286.291
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	82.122.547.689	130.549.161.270	15.888.192.641	5.513.679.243	234.073.580.843
Khấu hao trong kỳ (*)	15.609.326.440	27.380.417.423	3.902.029.934	1.093.738.183	47.985.511.980
Thanh lý, nhượng bán	-	(846.029.982)	-	-	(846.029.982)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>97.731.874.129</b>	<b>157.083.548.711</b>	<b>19.790.222.575</b>	<b>6.607.417.426</b>	<b>281.213.062.841</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	143.010.379.121	253.036.584.753	31.971.615.892	4.226.480.548	432.245.060.314
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>127.401.052.681</b>	<b>228.204.552.730</b>	<b>28.069.585.958</b>	<b>3.398.156.249</b>	<b>387.073.347.618</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(\*) Trong đó, chi phí khấu hao hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 564.814.509 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lần lượt là 281.599.387.239 VND và 192.279.403.068 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	17.864.326.804	175.291.000	18.039.617.804
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.864.326.804</b>	<b>175.291.000</b>	<b>18.039.617.804</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.538.500	133.538.500
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	143.177.198	143.177.198
Khấu hao trong kỳ	-	13.164.115	13.164.115
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>156.341.313</b>	<b>156.341.313</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	17.864.326.804	32.113.802	17.896.440.606



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối kỳ	17.864.326.804	18.949.687	17.883.276.491
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	36.672.959.086	35.961.954.302	72.634.913.388
XDCB dở dang	121.775.809.419	43.613.210.380	165.389.019.799
Cộng	158.448.768.505	79.575.164.682	238.023.933.187

Tài sản đang chờ lắp đặt có giá trị là 10.369.792.400 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tài chính cổ phần xi măng.

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinacem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty cổ phần Nam Việt đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinacem 290.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Nam Việt nắm giữ 1.740.000 cổ phiếu, tương đương 1,74% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinacem (số đầu năm là 1.740.000 cổ phiếu, tương đương 1,74% vốn điều lệ).

**14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	-	-	10.000.000
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	10.000.000
Đầu tư khác		45.200.000.000		45.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Long	2.000.000	20.200.000.000	2.000.000	20.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Bản Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		233.400.000.000		233.410.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Long.

### 16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	819.193.324	(112.226.115)	706.967.209
Lỗ tính thuế	57.117.033.300	(2.583.929.700)	54.533.103.600
<b>Cộng</b>	<b>57.936.226.624</b>	<b>(2.696.155.815)</b>	<b>55.240.070.809</b>

### 17. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ đảm bảo khoản vay dài hạn của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

### 18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	304.204.000.000	232.500.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	20.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(a)</sup>	71.000.000.000	93.300.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(b)</sup>	35.800.000.000	71.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(c)</sup>	64.904.000.000	48.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang <sup>(d)</sup>	132.500.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	60.494.840.000	241.358.840.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam <sup>(e)</sup>	13.000.000.000	70.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần xi măng <sup>(f)</sup>	42.000.000.000	149.500.000.000
Công ty liên doanh thủy sản Biển Đông	-	4.800.000.000
Ông Doãn Tới <sup>(g)</sup>	5.494.840.000	17.058.840.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	8.590.080.200	24.581.697.664
<b>Cộng</b>	<b>373.288.920.200</b>	<b>498.440.537.664</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của công ty TNHH An Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt của Ông Doãn Chí Thanh sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.
- (e) Khoản vay Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.
- (f) Khoản vay Công ty tài chính cổ phần Xi măng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.
- (g) Khoản vay Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	232.500.000.000	454.515.080.000	(381.362.830.000)	(1.448.250.000)	304.204.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	241.358.840.000	133.110.000.000	(313.974.000.000)	-	60.494.840.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.581.697.664	-	(15.991.617.464)	-	8.590.080.200
<b>Cộng</b>	<b>498.440.537.664</b>	<b>587.625.080.000</b>	<b>(711.328.447.464)</b>	<b>(1.448.250.000)</b>	<b>373.288.920.200</b>

#### 19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	120.144.872.378	114.478.796.434
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	1.453.269.657	2.395.234.710
Tại Công ty TNHH Cromic Nam Việt	7.747.565.925	2.059.262.816
<b>Cộng</b>	<b>129.345.707.960</b>	<b>118.933.293.960</b>

#### 20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	12.807.647.686	12.492.864.319
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	738.457.156	379.196.500
<b>Cộng</b>	<b>13.546.104.842</b>	<b>12.872.060.819</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.861.079.147	4.809.211.466	(6.286.500.000)	383.790.613
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.586.337.335	(2.586.337.335)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.424.051.582	3.062.267.835	(3.965.894.877)	520.424.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	7.066.406	328.749.837	(229.825.336)	105.990.907
Thuế nhà đất	-	163.522.400	(163.522.400)	-
Thuế tài nguyên	-	2.467.885	(2.127.001)	340.884
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>7.266.081.020</b>	<b>10.961.556.758</b>	<b>(13.243.206.949)</b>	<b>4.984.430.829</b>

#### 22. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

#### 23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương tháng 13	-	6.199.155.747
Chi phí lãi vay	932.748.662	-
<b>Cộng</b>	<b>932.748.662</b>	<b>6.199.155.747</b>

#### 24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế	82.675.013	53.271.360
Bảo hiểm xã hội	491.167.988	475.654.565
Bảo hiểm thất nghiệp	35.810.441	34.747.848
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	4.178.790.184	2.886.928.334
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	581.441.900	2.950.358.400
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội	-	-
- Chi nhánh An Giang (*)	19.100.000.000	-
Các khoản phải trả khác	2.069.274.539	1.877.315.066
<b>Cộng</b>	<b>26.539.160.065</b>	<b>8.278.275.573</b>

(\*) Khoản tiền nhận đặt cọc từ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để đảm bảo cho hợp đồng giao dịch bán ngoại tệ.

#### 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	15.260.708.720
Chi quỹ trong kỳ	(919.280.210)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.341.428.510</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình với lãi suất sibor 6 tháng + 1,9%/năm, để đầu tư dự án nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản cố định.

##### *Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:*

Từ 1 năm trở xuống	8.590.080.200
Trên 1 năm đến 5 năm	51.733.695.000
Trên 5 năm	-
<b>Tổng nợ</b>	<b>60.323.775.200</b>

#### 27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	4.248.094.474
Số đã chi	(662.708.950)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.585.385.524</b>

#### 28. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

##### *Cổ tức*

Trả cổ tức năm trước	35.171.541.500
Tạm ứng cổ tức	-
<b>Cộng</b>	<b>35.171.541.500</b>

##### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

##### *Chênh lệch tỷ giá hối đoái*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ trong giai đoạn xây dựng cơ bản để hình thành Công ty TNHH Cromic Nam Việt.

#### 29. Tài sản thuê ngoài

Tài sản cố định thuê ngoài.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 30. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	14.264.181.471
Nợ khó đòi đã xử lý	1.061.306
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	(2.028.412)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.263.214.365</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	741.141.465.355	965.410.626.912
- Doanh thu bán hàng hóa	12.284.709.731	239.297.024.146
- Doanh thu bán thành phẩm	728.720.957.769	725.265.439.135
- Doanh thu khác	135.797.855	848.163.631
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.293.825.523)	(19.739.777.012)
- Giảm giá hàng bán	(1.760.695.481)	(6.842.445.643)
- Hàng bán bị trả lại	(3.533.130.042)	(12.897.331.369)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>735.847.639.832</b>	<b>945.670.849.900</b>
Trong đó:	-	-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	12.284.709.731	230.194.774.036
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	723.427.132.246	714.627.912.233
- Doanh thu thuần khác	135.797.855	848.163.631

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	18.283.981.521	237.811.237.199
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	601.222.623.827	734.227.739.300
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.713.394.643	-
<b>Cộng</b>	<b>629.219.999.991</b>	<b>972.038.976.499</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.195.983.243	2.672.226.400
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	450.155.506	131.035.767
Lãi tiền cho vay	420.711.488	1.549.926.447
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	1.082.333.611	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	2.862.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.924.922.190	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.258.997.240	30.841.514.127
<b>Cộng</b>	<b>50.533.103.278</b>	<b>38.056.702.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.155.306.618	26.156.417.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.964.490.405	1.319.366.060
Chi phí tài chính khác	41.959.513	-
<b>Cộng</b>	<b>23.161.756.536</b>	<b>27.475.783.745</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.551.358	166.102.956
Chi phí nhân công	988.055.316	715.649.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.679.183.528	1.720.521.144
Chi phí hoa hồng	1.933.897.379	3.286.958.672
Chi phí vận chuyển	47.215.587.023	44.480.787.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.495.446.103	9.394.257.394
Chi phí khác	1.421.042.338	4.971.988.729
<b>Cộng</b>	<b>67.797.763.045</b>	<b>64.736.265.567</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.270.446.667	2.712.490.898
Chi phí nhân công	4.766.872.124	5.540.778.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.500.163.645	3.203.984.211
Thuế, phí và lệ phí	689.857.981	930.555.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.708.425.064	1.843.342.481
Chi phí khác	7.940.268.787	979.080.057
<b>Cộng</b>	<b>19.876.034.268</b>	<b>15.210.232.277</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	333.181.818	-
Thu nhập thanh lý công cụ, dụng cụ	161.290.049	37.587.100
Thu nhập từ kiểm đếm và cho thuê mặt bằng	353.818.179	375.744.245
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	101.003.974	18.432.000
Các khoản thuế được hoàn	277.362.540	-
Thu nhập khác	514.843.838	162.903.650
<b>Cộng</b>	<b>1.741.500.398</b>	<b>594.666.995</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.460.615.806	(95.394.956.161)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.460.615.806	(95.394.956.161)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.605.250	65.605.250
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>739</b>	<b>(1.454)</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, các Công ty trong Tập đoàn đã có các nghiệp vụ liên quan đến mua tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nợ mua tài sản cố định phải trả	9.161.653.413	4.402.067.788
Trả trước tiền mua tài sản cố định	19.865.581.641	35.535.696.322

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Nam Việt:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Cho vay tiền	19.700.000.000	3.291.000.000
Lãi cho vay	46.112.552	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Nam Việt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	501.953.359	455.840.807
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>501.953.359</b>	<b>455.840.807</b>
Hội đồng quản trị	5.494.840.000	17.058.840.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>5.494.840.000</b>	<b>17.058.840.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Nam Việt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	327.587.486	212.895.710
Tiền thưởng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>327.587.486</b>	<b>212.895.710</b>

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh thế chấp cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì	112.955.498.299	136.704.383.451
Cho thuê máy	-	15.527.574.575
Lãi cho vay	114.372.049	215.255.864
Cho vay	50.160.000.000	40.050.000.000
Chi hộ	1.701.691.621	289.637.850
Cho mượn nguyên liệu	268.165.265	173.807.860
Chi phí gia công	13.481.807.000	40.077.997.855
Chi phí mua sản phẩm	1.421.449.323	9.381.330.967
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	797.184.654	558.063.000
Thu hộ	33.680.802.549	11.253.439.975
Mua tài sản	56.761.902	1.333.333.333
<b>Công ty TNHH Thanh Thiên</b>		
Bán thành phẩm	-	28.828.376.807

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải thu tiền bán hàng	233.533.447.371	345.921.982.707
Cho vay	12.504.508.728	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>246.037.956.099</b>	<b>345.921.982.707</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải trả tiền hàng	236.051.653	234.781.268
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>236.051.653</b>	<b>234.781.268</b>

Ngoài ra Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### 3. Thuê hoạt động

##### Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	371.172.120	371.172.120
Trên 1 năm đến 5 năm	806.409.565	989.453.350
<b>Cộng</b>	<b>1.177.581.685</b>	<b>1.360.625.470</b>

Công ty cổ phần Nam Việt thuê một số máy móc thiết bị dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê cố định cho đến hết thời hạn thuê.

#### 4. Thông tin khác

Báo cáo năm trước do Công ty TNHH KPMG kiểm toán. Trong năm, Tập đoàn đã điều chỉnh phân loại lại số liệu năm trước cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại số liệu như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>				
Phải thu khách hàng	131	387.547.157.000	734.229.002.184	346.681.845.184
Trả trước cho người bán	132	69.135.437.000	59.859.300.476	(9.276.136.524)
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	347.036.245.000	-	(347.036.245.000)
Các khoản phải thu khác	135	18.414.853.000	18.769.252.454	354.399.454
Phải trả người bán	312	127.979.753.000	118.933.293.960	(9.046.459.040)
Phải trả nội bộ	317	234.782.000	-	(234.782.000)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.273.171.000	8.278.275.573	5.104.573
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15.260.708.000	15.260.708.000	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	15.260.708.000	-	(15.260.708.000)

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2010



Dương Minh Phong  
Kế toán trưởng



Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biên độ của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	-	340.915.123.337	1.585.462.952.589
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-	-	(988.442.183)	-	(988.442.183)
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	(127.709.548.253)	(127.709.548.253)
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>611.965.459.100</b>	<b>(27.417.629.848)</b>	<b>(988.442.183)</b>	<b>211.205.575.084</b>	<b>1.454.764.962.153</b>
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	(988.442.183)	211.205.575.084	1.454.764.962.153
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(1.167.760.858)	48.460.615.806	47.292.854.948
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(32.802.625.000)	(32.802.625.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>611.965.459.100</b>	<b>(27.417.629.848)</b>	<b>(2.156.203.041)</b>	<b>226.863.565.890</b>	<b>1.469.255.192.101</b>

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Doãn Tới  
Tổng Giám đốcDương Minh Phong  
Kế toán trưởng